**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN MÔN HỌC**

STT nhóm: Binh85

Các MSSV – Họ tên:

52000185 – Cao Nguyên Bình

52000196 – Nguyễn Tiến Đạt

Tên đề tài: Hệ thống kinh doanh sản phẩm bằng da

| **Nội dung tiêu chí** | **Thang đánh giá** | **1** | **2** | **3** | Tự đánh giá |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm /10** | **0-0.25 điểm** | **0.25-0.75** | **0.75-1.0** |  |
| **1/ Project**  **Management**  **Plan**  Mô tả kế hoạch xây dựng dự án, thời gian thực hiện, mô hình phát triển phần mềm được sử dụng | **1.0** | - Không làm phần này, hoặc làm cho có. | - Có làm nhưng sơ sài hoặc không đầy đủ. | - Nội dung rõ ràng, đầy đủ. | 1.0 |
| **2/ Requirements Specification** | **1.0** |  |  |  |  |
| Use case diagrams | 0.5 | - Không vẽ lược đồ use case, hoặc có vẽ nhưng sai sót nghiêm trọng | - Có vẽ lược đồ use case nhưng còn sai sót (không nghiêm trọng) | - Vẽ đúng, đầy đủ các use case và các mối quan hệ trong use case. | 0.5 |
| Đặc tả use case | 0.5 | - Không lập bảng đặc tả use case, hoặc làm cho có. | - Có lập bảng đặc tả use case nhưng còn thiếu, sai sót. | - Lập bảng mô tả đúng, đủ các use case. | 0.5 |
| **3/ Architecture** Thiết kế kiến trúc hệ thống, công nghệ được sử dụng, giải thích được lý do tại sao chọn kiến trúc và công nghệ này | **1.0** | - Không làm phần này, hoặc làm cho có. | - Có làm nhưng sơ sài hoặc không đầy đủ. | - Nội dung rõ ràng, đầy đủ. | 1.0 |
| **4/ Design** | **1.5** |  |  |  |  |
| Class diagrams | 0.5 | - Không vẽ class diagrams, hoặc có vẽ nhưng sai sót nghiêm trọng. | - Có vẽ class diagrams nhưng còn  thiếu hoặc sai sót (không nghiêm trọng). | - Vẽ đúng, đầy đủ class diagrams và các mối quan hệ giữa các class. | 0.5 |
| Sequence diagrams (chỉ chọn vài cái chính) | 0.5 | - Không vẽ sequence diagrams. | - Có vẽ sequence diagrams nhưng còn  thiếu hoặc sai sót (không nghiêm trọng). | - Vẽ đúng các sequence diagrams. | 0.5 |
| Database design | 0.5 | - Không có thiết kế cơ sở dữ liệu hoặc làm cho có. | - Có thiết kế cơ sở dữ liệu nhưng còn thiếu hoặc sai sót (không nghiêm trọng) | - Thiết kế đúng đủ, mô tả đầy đủ các bảng trong CSDL và mối quan hệ giữa các bảng | 0.25 |
| **5/ Xây dựng ứng dụng có ít nhất 4 chức năng chính** | **2.0** | - Không xây dựng được ứng dụng. | - Có xây dựng ứng dụng nhưng còn nhiều sai sót hoặc không đầy đủ. | - Xây dựng ứng dụng hoạt động ổn định, đầy đủ chức năng. | 1.0 |
| **6/ Coding Convention** | **0.5** | - Không thực hiện coding convention. | - Thực hiện coding convention nhưng không đầy đủ. | - Tuân thủ chặt chẽ coding convention. | 0.5 |
| **7/ Testing, Test case, Unit test** | **1.0** | - Không thực hiện testing, unit test. | - Có viết test case hoặc unit test nhưng còn nhiều thiếu sót. | - Có test case và unit test đầy đủ. | 0.25 |
| **8/ Các chương trình quản lý dự án: SVN/GIT/Jira, Redmine, Trello,..** | **1.0** | - Không sử dụng trong quá trình làm bài. | - Có sử dụng nhưng  mang tính đối phó, không thường xuyên. | - Sử dụng thường xuyên trong quá trình làm đồ án. | 0.5 |
| **9/ Hình thức báo cáo, demo** | **1.0** | - Không sử dụng mẫu báo cáo của Khoa, sai nhiều lỗi chính tả, không tạo chỉ mục. | - Còn nhiều sai sót nhưng không nghiêm trọng | - Báo cáo trình bày gọn gàng, chặt chẽ, không lỗi chính tả, tài liệu tham khảo đầy đủ | 1.0 |
| **Tổng điểm** | **10** |  |  |  | 7.5 |